

36. Trùng trùng hồi miễn (重重誨勉: Bao lượt khuyên lơn)

Trong phẩm này, vì chiết phục chúng sanh ác nghiệp nên đức Phật lại chỉ bày, khuyên lơn. Trước hết Ngài giảng rõ về nhân ác quả ác để chúng sanh biết mà kiêng sợ. Cuối phẩm, Ngài lại khuyên nên đoạn chánh thân tâm, chẳng quên công phu để khỏi phải hồi hận.

Chánh kinh:

佛告彌勒：吾語汝等，如是五惡、五痛、五燒，輾轉相生。敢有犯此，當歷惡趣。或其今世，先被病殃，死生不得，示眾見之。或於壽終，入三惡道。愁痛酷毒，自相焦然。

Phật cáo Di Lặc: - Ngô ngữ như đấng, như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, triển chuyển tương sanh, cảm hữu phạm thử, đương lịch ác thú, hoặc kỳ kim thế, tiên bị bệnh ương, tử sanh bất đắc, thị chúng kiến chi. Hoặc ư thọ chung, nhập tam ác đạo, sầu thống khốc độc, tự tương tiêu nhiên.

Phật bảo Di Lặc: - Ta bảo các ông: Năm sự ác, năm sự đau, năm sự đốt như thế xoay chuyển sanh lẫn nhau. Kẻ nào dám phạm phải những điều ấy sẽ trải thân trong đường ác; hoặc là trong đời này trước hết bị bệnh tật, tai ương, sống chết chẳng được, để làm gương cho kẻ khác. Hoặc là chết đi, đọa trong ba đường ác. Sầu đau, thảm não, tàn khốc, tự nung đốt thân.

Giải:

Đoạn kinh này nói về cái họa do ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu sanh ra.

Gia Tường Sớ giảng: “*Triển chuyển tương sanh* (xoay chuyển sanh lẫn nhau) là ba độc. Chẳng trừ ác thì ác chẳng tuyệt, khổ quả chẳng dứt”. Sách Hội Sớ lại giảng: “*Năm ác là nhân, nhọc nhằn khổ sở là quả. Dùng quả để răn nhân. ‘Tương sanh’ là đời này bị đau khổ, đời sau bị thiêu đốt; điều này làm cái nhân để sanh ra điều kia vậy*”.

Cả hai thuyết cùng nói đến “*tương sanh*” nhưng chưa giảng rõ chữ “*triển chuyển*”. Các vị Tịnh Ảnh, Cảnh Hưng và Vọng Tây giảng rõ chữ “*triển chuyển*”.

Ngài Vọng Tây bảo: “*Trước hết nói rõ điều ác sanh ra nỗi đau khổ và thiêu đốt. Tiếp đó là từ thiêu đốt sanh ra điều ác và đau khổ*”.

Ngài Tịnh Ảnh nói: “*Trước hết, nói từ ác sanh đau đớn, sanh ra thiêu đốt. Tiếp đó, nói từ thiêu đốt sanh ra ác, sanh ra đau*”.

Ngài Cảnh Hưng cũng giảng giống như thế, nghĩa là: Ác, đau khổ và thiêu đốt lần lượt sanh lẫn nhau. Điều ác sanh ra nỗi đau đớn, thiêu đốt nên phải sanh trong ác đạo. Nhưng chúng sanh trong ác đạo ba độc quá nặng nên từ sự thiêu đốt ấy lại sanh ra các nỗi ác khổ, đau đớn như gà đẻ ra trứng, trứng lại nở ra gà. Cái này, cái kia lần lượt sanh ra nhau không lúc nào ngắt.

Bởi thế, tiếp đó kinh chép: “*Cảm hữu phạm thử*” (Kẻ nào dám phạm phải những điều ấy). “*Thử*” (những điều ấy) chính là những điều ác. Kẻ dám phạm vào những điều ác ắt sẽ mãi mãi lăn lóc trong nẻo ác nên kinh dạy: “*Đương lịch ác đạo*” (Sẽ trải thân trong đường ác). “*Lịch*” (歷) là trải qua, “*ác đạo*” chính cái quả do việc ác chiêu cảm. Bởi thế, kinh nêu lên tương trạng của quả để răn đe chúng sanh ngõ hầu họ dứt bỏ nhân ác.

Các câu từ “*hoặc kỳ kim thế*” (hoặc trong đời này) cho đến “*thị chúng kiến chi*” (để làm gương cho mọi người thấy) là nói về năm sự đau; đây chỉ là hoa báo trong đời hiện tại. “*Bị*” (被) là lãnh chịu; “*bệnh*” (病) là tật bệnh, “*ương*” (殃) là tai họa như thủy tai, hỏa tai, hình phạt v.v... Kẻ làm ác ngay trong hiện đời thì hoặc bị bệnh nặng, hoặc mắc phải tai vạ, mong sống chẳng được, cầu chết không nổi. Sầu khổ muôn mối chẳng thoát khỏi được! Bởi thế, Phật nói: “*Tử sanh bất đắc*” (Sống chết chẳng được).

Tiếp đó, kinh nói: “*Thị chúng kiến chi*” (Để làm gương cho kẻ khác thấy) là chỉ rõ quả ác này để khiến cho tất cả đại chúng đều được thấy rõ mà biết rằng nhân quả chẳng dối, sanh lòng kiêng sợ.

Tiếp đó, kinh chép: “*Hoặc ư thọ chung, nhập tam ác đạo*” (hoặc là chết đi, vào trong ba đường ác), đó chính là quả báo, tức là năm sự đốt vậy. “*Sầu thống*” là lo buồn, đau đớn. “*Khốc độc*” (酷毒) là nỗi đau đớn thảm thiết nhất. Tiêu (焦) là nung, là thui, bị tổn thương bởi lửa. Nhiên (然) là đốt cháy. Sách Hội Sớ giảng như sau: “*Tiêu nhiên là dáng vẻ dữ dội của ngọn lửa địa ngục. Chữ ‘tự’ nghĩa là do nghiệp của chính mình chiêu cảm*”. Bởi thế, kinh chép là “*tự tương tiêu nhiên*”.

Chánh kinh:

共其怨家，更相殺傷。從小微起，成大困劇。

Cộng kỳ oán gia, cánh tương sát thương, từng tiểu vi khởi, thành đại khốn kịch.

Cùng với oán gia lại sát hại, tổn thương lẫn nhau. Bắt đầu từ chút việc nhỏ nhất trở thành sự khốn khổ lớn lao dữ dội.

Giải:

Tịnh Ảnh Sớ cho rằng cả đoạn trên này là để nói rõ ý nghĩa “*từng thiêu khởi ác*” (từ Ngũ Thiêu tạo thành Ngũ Ác).

Ngài Vọng Tây cho rằng “*cánh tương sát thương*” (lại sát hại, tổn thương lẫn nhau) chính là “*điều ác thiêu đốt chúng sanh, giết hại chúng sanh*”. Trong trận lửa địa ngục, kẻ ác vì đau đớn quá mức nên nổi sân, đâm ra tàn sát, đả thương lẫn nhau. Đó chính là trong khi bị thiêu đốt lại gây thêm tội ác, kết thành oán cừu nên bảo là “*oán gia*”. Cứ đòi nợ lẫn nhau, Giáp giết Ất, Ất lại giết Giáp nên bảo là “*cánh tương sát thương*”.

Từ bé xé ra to, càng lúc càng phiền toái, càng khốc liệt, chẳng lúc nào hết nên bảo là: “*Từng tiểu vi khởi, thành đại khốn kịch*” (Từ chút việc nhỏ nhất trở thành sự lớn lao dữ dội). “*Kịch*” (劇) là quá mức, kịch liệt, là nhiều, là tăng thêm. Làm ác chẳng thôi nên khổ càng tăng thêm chẳng ngừng, trở thành sự khổ sở lớn lao, khiến cái họa càng thêm sâu nên bảo là “*thành đại khốn kịch*”. Bản Ngụy dịch chép là: “*Cửu hậu đại kịch*” (Lâu ngày thành lớn lao quá mức). Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Thân chịu lao khổ, khổ tăng thêm chẳng ngớt nên gọi là ‘cửu hậu đại kịch’*”.

Chánh kinh:

皆由貪著財色，不肯施惠。各欲自快，無復曲直。痴欲所迫，厚己爭利。富貴榮華，當時快意。不能忍辱，不務修善。威勢無幾，隨以磨滅。天道施張，自然糾舉，瑩瑩忪忪，當入其中。古今有是，痛哉可傷！

Giai do tham trước tài sắc, bất khảng thí huệ. Các dục tự khoái, vô phục khúc trực. Si dục sở bách, hậu kỷ tranh lợi, phú quý vinh hoa, đương thời khoái ý, bất năng nhẫn nhục, bất vụ tu thiện. oai thế vô kỷ, đương thời khoái ý, bất năng nhẫn nhục, bất vụ tu thiện. oai thế vô kỷ,

tùy dĩ ma diệt, thiên đạo thi trường, tự nhiên củ củ. Quỳnh quỳnh chung chung, đương nhập kỳ trung. Cổ kim hữu thị, thống tai khả thương!

Đều do tham đắm tài sắc, chẳng chịu bỏ thí. Ai nấy chỉ muốn tự sướng, chẳng còn biết đến công vạ hay ngay thẳng. Bị si dục bức bách nên hậu đãi mình, tranh lợi, phú quý, vinh hoa; cốt khoái ý ngay trong lúc ấy, chẳng thể nhẫn nhục nổi, chẳng chăm tu thiện. Oai thế chẳng được bao lâu đã bị mòn diệt. Đạo trời lòng lộng, tự nhiên tỏ rõ. Bơ vơ, bòn chôn, sẽ vào trong đó. Xưa nay như thế, đau đớn thay, đáng thương thay!

Giải:

Đoạn kinh này nói về cái nhân ác là ba độc rồi lại răn dạy.

“*Giai do tham trước tài sắc*” (Đều do tham đắm tài sắc): Cầu được nhiều chẳng chán là Tham (貪), tâm tham kiên cố là Trước (著). Kinh Bảo Tích dạy: “*Tà niệm sanh tham trước, tham trước sanh phiền não*” (Tà niệm sanh ra tham đắm, tham đắm sanh ra phiền não). Trong chữ “*tài sắc*” thì Tài (財) chỉ tiền tài, của cải; Sắc (色) là sắc tình, tức là tình ái nam nữ. Gia Tường Sớ giảng: “*Hoặc là tham tài hay tham xác thịt*”. Sách còn viết: “*Từ câu ‘giai do tham trước’ trở đi nói đến tội lỗi của ba ác. Tham đắm vinh hoa, tham đắm cái vui hiện tại nên tạo ác*”.

“*Bất kháng thí huệ*” là chẳng chịu đem tài vật ban bố cho người. Sách Hội Sớ viết: “*Tham dục tuy nhiều nhưng tài sắc là lớn nhất nên kinh đặc biệt nêu lên. Chẳng thể bỏ thí là tướng trạng của lòng keo kiệt*”.

“*Các dục tự khoái, vô phục khúc trực*” (Ai nấy chỉ biết tự sướng, chẳng còn biết đến công vạ hay ngay thẳng) là chỉ cầu tự lợi để thỏa mãn tâm lòng, chẳng cần biết đến đúng sai, công vạ hay chất trực.

“*Si dục sở bách*” (Bị si dục bức bách): Cội gốc của cái tâm Tham dục chính là Si nên bảo là “*si dục*”. Kinh Di Giáo dạy: “*Nhược hữu trí huệ, tắc vô tham trước*” (Nếu có trí huệ thì chẳng tham đắm). Vì thế, trong đoạn kinh này chỉ nói đến hai cái ác Si và Tham, còn Sân thì đã được đề cập trong đoạn kinh ở phần trên rồi.

Sách Hội Sớ giảng chữ “*bách*” (迫) như sau: “*Ái dục bức bách, thường nghĩ tưởng dục cảnh*”. Bởi đó mà tổn hại người khác để mình được lợi, chỉ ham “*phú quý vinh hoa*”, chỉ cầu khoái ý trong phút chốc,

chẳng mong nhân nhục tu thiện, tích lũy phước báo cho mai sau; nhưng oai thể nào còn mãi, phút chốc diệt mất.

“*Thiên đạo thi truong, tự nhiên củ củ*” (tạm dịch: “*Đạo trời lồng lộng, tự nhiên tỏ rõ*”): Thi (施) là giương ra, “củ” (糺) là uốn nắn cho đúng, là xem xét, là nêu ra cái sai. Cái lý tự nhiên, cái đạo pháp nhĩ⁹⁵ thì gọi là “*thiên đạo*”. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Đạo lý trong thiên hạ tự nhiên lập bày vì thế gọi là ‘thiên đạo thi truong’. Hễ tạo ác tất bày rõ ra nên gọi là ‘tự củ củ’.* Sách Hội Sớ nói: “*Nói ‘thiên đạo’ là nói đến nhân quả báo ứng*”. Sách còn viết: “*Sự đã phát sanh thì theo đúng pháp mà cắt đứt. Sự chưa phát hiện bèn quan sát kỹ, thì gọi là ‘củ củ’.* Củ (舉) là chỉ bày”.

“*Quỳnh quỳnh*” (惺惺) là lo lắng, không nơi nương dựa. “*Chung chung*” (忪忪) là tâm hoảng sợ chẳng yên, kinh hoàng, hoảng hốt. Sách Hội Sớ giảng câu “*đương nhập kỳ trung*” (sẽ vào trong ấy) như sau: “*Quỳnh quỳnh là tình cảnh đơn độc, một mình sống, mình mình chết. ‘Chung chung’ là tâm động, kinh hoàng xen lẫn không xen hở. ‘Kỳ trung’ là trong năm đường*”. Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: “*Kẻ có tội sẽ phải đi về đó, không người bầu bạn nên bảo là bơ vơ, bôn chôn đi vào trong ấy*”. Tiếp đó kinh nói: “*Cổ kim hữu thị, thống tai khả thương*” (Xưa nay như thế, đau đớn thay, đáng thương thay), ý nói: Do tam độc tạo ra nhân ác thì nhất định phải chịu lấy ác quả đớn đau, thiêu đốt.

Trên đây Phật răn điều ác, tiếp đó, Phật khuyên làm lành.

Chánh kinh:

汝等得佛經語，熟思惟之。各自端守，終身不怠。尊聖敬善，仁慈博愛。當求度世，拔斷生死眾惡之本。當離三塗，憂怖苦痛之道。若曹作善，云何第一？當自端心，當自端身。耳目口鼻，皆當自端。身心淨潔，與善相應。勿隨嗜欲，不犯諸惡。

⁹⁵ Pháp Nhĩ (法爾) còn gọi là pháp nhiên, tự nhiên, thiên nhiên, tự nhĩ, pháp nhĩ tự nhiên... Từ ngữ này chỉ mọi hiện tượng tự nhiên, không trải qua bất kỳ một trạng thái tạo tác nào, tức chỉ những tướng trạng xưa nay của sự vật.

言色當和，身行當專。動作瞻視，安定徐為。作事倉卒，敗悔在後。為之不諦，亡其功夫。

Nhữ đấng đấng Phật kinh ngữ, thực tư duy chi, các tự đoan thủ, chung thân bất đãi, tôn thánh kính thiện, nhân từ, bác ái, đương cầu độ thế, bạt đoan sanh tử chúng ác chi bản, đương ly tam đồ, ưu bố khổ thống chi đạo. Nhược tào tác thiện, vân hà đệ nhất? Đương tự đoan tâm, đương tự đoan thân. Nhĩ, mục, khẩu, ty, giai đương tự đoan. Thân tâm tịnh khiết, dữ thiện tương ứng. Vật tùy thị dục, bất phạm chư ác. Ngôn sắc đương hòa, thân hạnh đương chuyên, động tác chiêm thị, an định từ vi. Tác sự thương tốt, bại hối tại hậu. Vi chi bất để, vong kỳ công phu.

Các ông được nghe lời kinh Phật thì phải suy nghĩ chín chắn, ai nấy tự nên giữ vững, trọn đời chẳng lười: tôn thánh, kính thiện, nhân từ, bác ái. Hãy nên mong cứu đời, nhổ dứt cội rễ sanh tử và các ác thì sẽ lìa khỏi con đường tam đồ lo sợ, đau khổ. Các ông làm lành như thế nào thì sẽ là bậc nhất? Hãy nên tự đoan chánh cái tâm, hãy nên tự đoan chánh cái thân. Tai, mắt, miệng, mũi đều nên tự đoan chánh. Thân, tâm tịnh khiết tương ứng với điều thiện. Chớ thuận theo dục vọng, chẳng phạm các sự ác. Ngôn từ, vẻ mặt nên hòa nhã, thân hạnh nên chuyên; cử động, ngó nhìn an định, thông thả. Làm việc bộp chộp để bị thua thiệt rồi hối hận về sau. Làm việc chẳng thận trọng sẽ uổng mất công phu.

Giải:

Trong đoạn này, đức Như Lai khuyên tất cả những người nghe kinh nên chuyên ròng, siêng năng tu thiện.

Chữ “*Phật kinh ngữ*” chỉ chung hết thầy pháp môn bỏ ác làm lành, bỏ trần cảnh hướng đến giác ngộ. Chữ này còn dùng để chỉ riêng ba kinh Tịnh Độ giảng về Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh của Phật Di Đà. Kinh bậc nhất trong ba kinh đó chính là kinh này. “*Thực tư duy chi*” (Suy nghĩ chín chắn) tức là nghe xong phải suy nghĩ. “*Đoan thủ bất đãi*” (Giữ vững, chẳng lười) là từ tư duy khởi lên tu hành.

“*Đoan thủ*” (端守) là giữ đúng, phụng hành theo đúng lời dạy. Ngài Cảnh Hưng lại bảo: “*Đoan thủ là đẹp tà, giữ chánh*”. Trọn hết đời này giữ đúng theo lời Phật dạy, chẳng hề biếng nhác nên bảo là “*chung thân bất đãi*” (trọn đời chẳng lười).

Đôi với câu “*tôn thánh, kính thiện, nhân từ, bác ái*”, ngài Cảnh Hưng giảng: “*Chữ Thánh chỉ chung cả Phật lẫn Tăng. Thiện pháp dù là pháp thế gian hay xuất thế gian cũng đều là của báu vô thượng nên phải kính trọng. Ở đây, Thiện là Tam Bảo. Nhân ái, từ bi cứu giúp tất cả mọi người nên bảo là ‘nhân từ, bác ái’, nghĩa là: Bác ái giúp đỡ chúng sanh*”.

“*Đương cầu độ thế*” (Hãy nên mong độ đời) là tự độ, độ người, tự giác, giác tha, làm cho khắp hết thấy chúng sanh vĩnh viễn thoát khỏi hư vọng sanh tử.

“*Bạt đoạn sanh tử chúng ác chi bốn*” (Nhổ đứt cội gốc sanh tử và các ác) là siêng tu Giới, Định, Huệ; dứt bật tham, sân, si. Cội rễ của sự luân hồi sáu đường chính là tham dục. Biển khổ sanh tử chỉ nhờ trí mới vượt nổi. Dùng gươm trí huệ chặt đứt các phiền não tham dục, vô minh v.v... chính là nhổ đứt cội rễ sanh tử. Có như vậy mới vĩnh viễn lìa khỏi nổi khổ tam đồ. Hễ ác đã tận thì sự thiêu đốt, sự đau khổ cũng hết. Vì thế, kinh nói: “*Đương ly tam đồ ưu bố khổ thống chi đạo*” (Sẽ lìa khỏi con đường tam đồ lo sợ, đau khổ).

Tiếp đó, Phật khuyên nên đoạn chánh thân tâm cho tương ứng với điều thiện. Đức Thế Tôn chỉ thẳng cách làm lành bậc nhất.

“*Tác thiện*” có thể hiểu thô thiển là làm việc lành, chứ xét theo Thật Đế thì chính là “*tâm này làm Phật*”.

Nếu hiểu một cách thô thiển, câu “*đoan thân, nhĩ, mục, khẩu, ty*” (đoan chánh thân, tai, mắt, miệng, mũi) nghĩa là thân tâm đoạn chánh như là “*điều phi lễ chẳng nhìn, việc phi lễ chẳng nghe*”.

Phân tích ở mức độ sâu hơn thì “*nhĩ đương tự đoạn* (tai nên tự đoạn chánh) chính là pháp Nhĩ Căn Viên Thông “*phản văn tự tánh*” (xoay trở lại nghe nơi tự tánh) của Quán Âm đại sĩ. Đại Sĩ chẳng đuổi theo thanh trần mà xoay lại nghe nơi tự tánh; ấy chính là “*đoan chánh nhĩ căn*”. Cứ thế suy rộng ra thì chẳng rong ruổi theo sắc trần, quay trở lại quan sát tự tánh chính là “*đoan chánh con mắt*”. Cứ như thế, cả sáu căn chẳng rong ruổi theo sáu trần, chiếu rạng nguồn tâm thì mới gọi là “*đoan chánh*”, thì mới là bậc nhất.

Tiếp đó, câu kinh: “*Thân tâm tịnh khiết, dữ thiện tương ứng*” (Thân tâm tịnh khiết tương ứng với điều thiện) cũng có hai nghĩa sâu và cạn. Hiểu cạn cợt thì thân tâm ly cấu vô nhiễm, việc làm nơi thân, lời lẽ nơi miệng, sự suy nghĩ nơi ý đều lành cả. Hiểu sâu hơn thì Thi Giác Trí

khé hợp khéo léo với Bốn Giác Lý mới là “*dữ thiện tương ứng*”. Nhưng ta phải biết một cách đúng đắn rằng: Xét đến rốt ráo điều thiện bậc nhất này chẳng ngoài “*chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành*”.

Trong Tịnh tông, điều thiện bậc nhất chính là pháp môn Niệm Phật của Đại Thế Chí Pháp Vương Tử: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Một tiếng Phật hiệu nhiếp trọn sáu căn nên sáu căn đều đoan chánh như Linh Phong đại sư từng bảo: “*Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể không thành tâm Phật*”. Tâm đã là Phật thì tự nhiên sáu căn đều là Phật. Bởi thế mới bảo là: “*Nhĩ, mục, khẩu, tỵ, giai đương tự đoan*” (Tai, mắt, miệng, mũi thảy đều nên tự đoan chánh). Tự đoan chánh là do một tiếng Phật hiệu khiến cho cả sáu căn đều tự nhiên đoan chánh, tự nhiên “*thân tâm tịnh khiết, dữ thiện tương ứng*”. Điều thiện ở đây chính là “*tâm này là Phật*”.

Cuối phẩm này, Phật lại khuyên răn nên bỏ lòng dục, dứt điều ác, an hòa, chuyên tinh, thành thật. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương quyển bảy giảng chữ “*dục*” như sau: “*Nhiễm ái trần cảnh thì gọi là Dục*”. “*Trần*” (塵) là năm trần: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Năm trần này có khả năng phát khởi lòng tham dục của con người nên được gọi là “*ngũ dục*”. Trí Độ Luận viết: “*Ngũ dục còn gọi là ngũ tiền (năm mũi tên) vì chúng phá hoại các thiện sự*”. Vì thế, đức Thế Tôn khuyên răn chúng sanh “*vật tùy thị dục*” (chớ thuận theo dục vọng).

Vả nữa, trong các món dục, dâm dục là độc hại nhất nên Phật buộc người xuất gia chú trọng đoạn dâm. Nếu có thể ly dục thì “*bất phạm chư ác*” (chẳng phạm các điều ác). Đây chính là lời khuyên tha thiết “*chư ác mạc tác*” (đừng làm các điều ác).

“*Ngôn sắc*” (言 色) chính là lời nói và vẻ mặt. “*Hòa*” (和) là hòa nhã, an tường. Ngôn ngữ hòa nhã chính là Ái Ngữ trong Tứ Nhiếp Pháp; vẻ mặt hòa nhã chính là dùng từ quang chiếu soi người khác.

“*Thân hạnh*” là những việc do chính thân ta làm; “*chuyên*” (專) là chuyên nhất, chuyên chú, chuyên ròng tinh tấn. “*Đương chuyên*” (nên chuyên) là nên chuyên ròng tinh tấn hành đạo. Nếu nói theo kinh này thì “*đương chuyên*” chính là nên một bề chuyên niệm.

“*Động tác*” tức là hành động; “*chiêm thị*” (瞻 視) là ngó nhìn; “*từ*” (徐) là thông thả, hòa hoãn. Vì thế, câu “*động tác chiêm thị, an định từ vi*” (cử động, ngó nhìn an định, thông thả) nghĩa là nhất cử nhất

động đều phải an tường, điềm tĩnh, thung dung, chẳng hấp tấp. “*Thương tốt*” (倉卒) là đột ngột, vội vã, bối rối. “*Đề*” (諦) là suy xét, thận trọng. Làm việc bộp chộp ắt sẽ bị thảm bại khiến phải hối hận về sau. Chẳng thận trọng, dè dặt trong việc làm thì bị “*vong kỳ công phu*” (uổng mất công phu). “*Vong*” (亡) là đánh mất, phí công. Chữ “*công phu*” chỉ công phu tu trì.